TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH Q

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày: 04/10/2019
'V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khánh.
2. Ông Cao Hậu.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Phú – Thư kýToà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-DS ngày 10/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội; địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Quận M, TPH.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L – Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Q, tỉnh Q đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố 1, phường 1, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố 1, phường 1, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2019, bản trình bày ý kiến ngày 04/10/2019 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/10/2007, Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Q, tỉnh Q đã ký Hợp đồng vay vốn số 3200063072với bà Nguyễn Thị H số tiền cho vay là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng), người ký thừa kế khoản vay trên là anh Nguyễn Văn P, tiền vay được giải ngân với mục đích để chi phí học tập cho anh Nguyễn Văn P. Thời hạn vay 119 tháng, do khó khăn nên phía Ngân hàng Chính sách xã hội đã gia hạn 24 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/9/2018; lãi suất cho vay trong hạn 6%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130 lãi suất cho vay (7,8%/năm). Phương thức trả nợ: Trả tiền gốc 6 tháng/lần và tiền lãi phát sinh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 14/9/2018 bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (vi phạm về mặt thời gian trả) nên khoản vay 23.565.338 đồng của bà Nguyễn Thị H đã bị chuyển nợ quá hạn vào ngày 14/9/2018. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng Chính sách xã hội đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 04/12/2018 bà Nguyễn Thị H có trả 3.000.000 đồng tiền gốc. Dư nợ gốc đến ngày 04/12/2018 là 20.565.338 đồng.Trong thời gian vay vốn bà H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 3.434.662 đồng và tiền lãi là 14.743.626 đồng (lãi trong hạn: 13.668.667 đồng, lãi quá hạn: 1.074.959 đồng).

Tính đến ngày 04/10/2019 bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 21.374.010 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm mười đồng), trong đó số tiền dư nợ gốc là 20.565.338 đồng, nợ lãi trong hạn 0 đồng, nợ lãi quá hạn 808.672 đồng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền là: 21.374.010 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm mười đồng) và đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng vay vốn số 3200063072 ký ngày 09/10/2007 kể từ ngày 05/10/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản vay. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không có khả năng trả nợ thì anh Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ thay bà H trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền mà bà H phải trả.

Bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn P trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đảm bảo đúng các quy định tại các Điều 48, 195, 196, 198 từ Điều 203 đến Điều 211, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa.

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 222 đến Điều 261 của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo việc xét xử được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật.

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 51, 236, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự như: phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra và báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa…

Về tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đối với người khởi kiện: Người khởi kiện đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 91, 96, 186, từ điều 188 đến Điều 190, Bộ luật tố tụng dân sự như khởi kiện, cung cấp chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ yêu cầu khởi kiện, có mặt đúng thời gian, địa điểm theo giấy triệu tập của Tòa án; Đối với người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72, 73 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào điều 298, 471, điều 474, điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 21.374.010 đồng (trong đó: tiền gốc là 20.565.338 đồng, tiền lãi quá hạn 808.672 đồng). Trường hợp bà Nguyễn Thị H không có khả năng trả nợ thì buộc anh Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền mà bà H phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội đề ngày 18/4/2019, Tòa án nhân dân thị xã Q xác định về quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội và bị đơn cư trú tại khu phố 1, phường 1, thị xã Q. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P thường xuyên vắng mặt nơi cư trú, nên Tòa án đã không tống đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà H và anh Phú, Tòa án đã làm

thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng bà H và anh Phú vẫn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải. Tại phiên tòa lần thứ nhất bà H và anh Phú vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai bà H và anh Phú vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về áp dụng pháp luật: Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân cho bà Nguyễn Thị H vay tiền vào ngày 09/10/2007. Căn cứ Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[4] Về nội dung: Hợp đồng vay vốn số 3200063072 ký ngày 0910/2007 được ký kết giữa Ngân hàng Chính sách xã hộivà bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn P là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn số 3200063072 ký ngày 09/10/2007 thì bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi định kỳ 6 tháng/lần. Đến ngày 14/9/2018 bà Nguyễn Thị H đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 14/9/2018; lần cuối bà H trả nợ gốc cho ngân hàng là ngày 04/12/2018. Tổng số tiền gốc đã trả là 3.434.662 đồng. Dư nợ gốc còn lại là 20.565.338 đồng thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận (Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005)

Về khoản nợ lãi: Tại Hợp đồng vay vốn số 3200063072 ký ngày 0910/2007 thì thỏa thuận lãi suất cho vay 6%/năm, lãi suất nợ quá hạn 7,8%/năm. Lãi trả định kỳ 6 tháng/lần.Do bị đơn không trả nợ đúng hạn, nguyên đơn đã chuyển nợ gốc và nợ lãi sang nợ quá hạn từ ngày 14/9/2018. Đến ngày 14/6/2019 phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 14.743.626 đồng (lãi trong hạn: 13.668.667 đồng, lãi quá hạn: 1.074.959 đồng). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/10/2019, tổng số tiền còn nợ lãi của bị đơn là: 808.672 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn 0 đồng, nợ lãi quá hạn 808.672 đồng. Xét hợp đồng vay tài sản được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính tiền lãi quá hạn đến ngày 04/10/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) 808.672 đồng là có cơ sở.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải thanh toán số tiền nợ gốc 20.565.338 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (04/10/2019) là 808.672 đồng.

Tại hợp đồng vay vốn số 3200063072 ngày 09/10/2007, bà Nguyễn Thị H là người ký vay số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng), người ký thừa kế khoản vay là anh Nguyễn Văn P. Từ ngày vay 09/10/2007 đến ngày 14/6/2019, bà Nguyễn Thị H đã thực hiện các nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội tổng số tiền là 18.178.288 đồng (Trong đó, tiền gốc là 3.434.662 đồng, tiền lãi trong hạn 13.668.667 đồng và tiền lãi quá hạn là 1.074.959 đồng). Tại phiên tòa Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc, lãi còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/10/2019 và lãi phát sinh sau ngày 04/10/2019. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không có khả năng trả nợ thì buộc anh Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ thay bà H trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền mà bà H phải trả. Yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận (Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 298, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án Lệ số: 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 21.374.010 đồng (hai mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm mười đồng), trong đó: tiền gốc là 20.565.338 đồng (hai mươi triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn ba trăm ba mươi tám đồng), tiền lãi tính đến ngày 04/10/2019 là 808.672 đồng (tám trăm không tám ngàn sáu trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn số 3200063072 ký ngày 0910/2007 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H không có khả năng trả nợ thì buộc anh Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ thay bà H trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền mà bà H phải trả.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.068.700 đồng (một triệu không trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Khánh **Cao Hậu** **Phan Thị Hạnh**